TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2018/DS-ST
Ngày: **22/3/2018**
V/v tranh chấp *"Nợ hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thùy Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Minh Chơn**
2. Ông **Nguyễn Văn Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung-** Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C *tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Văn Quốc**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 22 tháng 3 năm 2018 Tòa án nhân dân Quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 174/2017/TLST-DS ngày 04/10/2017 về tranh chấp "*Nợ hụi* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐST- DS ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **HỒ THANH T;** Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Khu vực B, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Bà **LÊ THỊ Đ.** Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Khu vực B, phường HT, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Ngọc T1**. Cùng địa chỉ bị đơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hồ Thanh T trình bày*:**

Vào năm 2010, bà Lê Thị Đ có tham gia tất cả 08 dây hụi gồm có hụi ngày, hụi tuần, hụi nữa tháng và hụi tháng do bà làm chủ hụi. Bà Đ đã hốt tất cả các dây hụi nhưng cho đến khi mãn hụi vẫn không đóng hụi chết đầy đủ. Ngày **20/7/2012**, sau khi đối chiếu các khoản nợ, bà Đ có ký cam kết còn nợ bà số tiền **135.700.000đ** và hứa mỗi ngày trả **130.000đ**. Tuy nhiên, cho đến nay, bà Đ chỉ trả

được 23.800.000đ, còn nợ lại **111.900.000đ** nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả số tiền còn nợ **111.900.000đ**.

Từ khi nộp đơn khởi kiện cho đến ngày 12/12/2017, bà Đ có trả thêm nhiều lần, tổng cộng **2.090.000đ**, còn nợ lại **109.810.000đ**. Đến tháng 01/2018, bà Đ trả thêm được **50.000đ**, tổng cộng **2.140.000đ**. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị Đ và ông Nguyễn Ngọc T1 phải trả số tiền còn nợ là **109.760.000đ**, không yêu cầu tính lãi, không đồng ý cho bị đơn trả dần.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị Đ vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai của bà Lê Thị Đ ngày **12/12/2017** tại nhà bà Đ: Bà Đ cho rằng bà có tham gia nhiều dây hụi của bà T nhưng không nhớ rõ từng dây. Bà thừa nhận có ký cam kết nhận nợ với bà T vào ngày **20/7/2012** với số tiền còn nợ là **135.700.000đ** và cam kết mỗi ngày trả **130.000đ** là đúng. Từ khi ký biên nhận đến nay, bà có trả nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Tuy nhiên, do bà với bà T là chỗ bà con nên bà thừa nhận thống nhất như lời khai của bà T là tính đến thời điểm ngày **12/12/2017** bà còn nợ bà T số tiền **109.810.000đ** là đúng và đồng ý trả số tiền này cho bà T. Tuy nhiên, hiện tại bà không có khả năng nên xin trả dần mỗi ngày **50.000đ**. Việc bà tham gia hụi của bà T thì chồng bà là ông Nguyễn Ngọc T1 không biết. Đây là số nợ riêng của bà, không có liên quan đến chồng bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Ngọc T1 vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng từ ngày 12/12/2017 đến nay, bà Đ có trả cho bà được tổng cộng **140.000đ**, hiện còn nợ lại **109.670.000đ**. Nay bà yêu cầu bà Đ phải trả số tiền còn nợ **109.670.000đ**, không yêu cầu tính lãi, không đồng ý trả dần. Đồng thời, rút yêu cầu về việc yêu cầu ông T1 cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật tố tụng dân sự;

- **Về việc giải quyết vụ án**: Theo nội dung vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu **109.670.000đ**, không yêu cầu tính lãi và không đồng ý cho bị đơn trả dần; còn bị đơn đã thừa nhận có nợ tiền hụi của nguyên đơn và đồng ý trả số nợ này nhưng yêu cầu được trả dần mỗi ngày **50.000đ**. Xét thấy, bị đơn đã thừa nhận số tiền nợ hụi còn thiếu của nguyên đơn là đúng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; đối với yêu cầu xin trả dần của bị đơn, do không được nguyên đơn chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận cho yêu cầu trả dần của bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ **109.670.000đ**, không tính lãi suất.

Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu về việc buộc ông T1 (chồng bà Đ) phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ với bà Đ nên về trách nhiệm trả nợ của T1 không xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét mối quan hệ pháp luật: đây là vụ kiện tranh chấp "*Nợ hụi*" được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ *hụi còn thiếu **109.670.000đ**; Hội đồng xét xử xét thấy*:

Phía bị đơn thừa nhận có tham gia hụi do nguyên đơn làm chủ hụi nhưng không nhớ rõ cụ thể từng dây. Tuy nhiên, ngày **20/7/2012** hai bên có đối chiếu nợ và bị đơn có ký xác nhận còn nợ của nguyên đơn là **135.700.000đ;** tính đến ngày **12/12/2017** bị đơn còn nợ bà T số tiền **109.810.000đ** như nguyên đơn trình bày là đúng. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định tính đến ngày **12/12/2017**, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền **109.810.000đ** là sự thật, không cần phải chứng minh. Do hụi đã mãn nhưng bị đơn không thanh toán số tiền hụi phải góp theo thỏa thuận cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ hụi còn thiếu là có cơ sở.

Tuy nhiên, theo nguyên đơn cho rằng, từ ngày **12/12/2017** đến nay, bị đơn có trả cho nguyên đơn tổng cộng được **140.000đ**, hiện còn nợ: **109.670.000đ**. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn kể từ ngày **12/12/2017** đến nay là bao nhiêu, nên chỉ có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo lời thừa nhận của nguyên đơn về số tiền bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn là **140.000đ**. Do đó, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ hiện nay là **109.670.000đ.**

[2] Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với bị đơn, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên ghi nhận.

[3] Do nguyên đơn rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 là chồng bà Lê Thị Đ phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm trả nợ của ông T1 và cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này.

*[4] Xét yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu trả dần số tiền còn nợ mỗi ngày **50.000đ***; Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận; hơn nữa, khả năng trả nợ của bị đơn sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận cho yêu cầu trả dần của bị đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí: **109.670.000đ** x 5% = **5.483.500đ**.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà **Lê Thị Đ** phải trả cho bà **Hồ Thanh T** số tiền **109.670.000đ** (Một trăm lẻ chín triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ khi bà Hồ Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Đ còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T1 phải cùng bị đơn là bà Lê Thị Đ chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

3. **Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm**:

Bà Lê Thị Đ phải chịu **5.483.500đ** (Năm triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **2.797.000đ** theo biên lai số 009455 ngày 27/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

4. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang